|  |  |
| --- | --- |
|  UBND HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** **NĂM HỌC 2022-2023****MÔN : CÔNG NGHỆ 7****Thời gian làm bài : 45 phút**Giáo viên ra đề: Phạm Thị Quỳnh Nga |

**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | Tổng | % tổng điểm |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | Số CH |
| Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | Số CH | Thời gian (phút) | TN | TL | Thời gian (phút) |
| Chăn nuôi | 1. chăn nuôi  | 2 | 2,8 | 2 | 4 |  |  |  |  | 4 | 0 | 6,8 | 20 |
| Thủy sản | 2. Giới thiệu nuôi thủy sản | 2 | 5,4 | 1 | 2 | 1 | 3 |  |  | 3 | 1 | 10,4 | 25 |
| 3. Quy trình nuôi cá | 1 | 1,4 | 1 | 6 | 1 | 3 |  |  | 2 | 1 | 10,4 | 20 |
| 4. Phòng, trị bệnh thủy sản | 2 | 2,8 | 1 | 2 | 2 | 6 | 1 | 6,6 | 5 | 1 | 17,4 | 35 |
| Tổng | 7 | 12,4 | 5 | 14 | 4 | 12 | 1 | 6,6 | 14 | 3 | 45 | 100 |
| Tỷ lệ % | 40 | 30 | 20 | 10 | 70 | 30 | 100 | 100 |
| Tỷ lệ % chung | 70 | 30 | 10 | 100 | 100 |

**Ghi chú:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,5 điểm; số điểm của câu tự luận : 1 điểm,

- Thời lượng tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 1,4 phút; mức độ thông hiểu là 2 phút; mức vận dụng là 3 phút.

- Thời lượng tự luận cho 1 câu mức độ nhận biết là 4 phút; mức độ thông hiểu là 6 phút; mức vận dụng cao 6,6 phút.

**B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ đánh giá |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| Chăn nuôi | 1. chăn nuôi  | Nhận biết:* Nhận biết được vật nuôi bị bệnh.

Thông hiểu: Phân biệt được bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm.- Cách xử lí khi phát hiện vật nuôi bị bệnh | 2 | 2 |   | 1 |
| Thủy sản | 2. Giới thiệu nuôi thủy sản | Nhận biết: Các thực phẩm có giá trị kinh tế.Thông hiểu: các chất dinh dưỡng trong thủy sản.Vận dụng: các thực phẩm chế biến từ thủy sản. | 2 | 1 | 1 |  |
| 3. Quy trình nuôi cá | Nhận biết Cải tạo đáy ao.Thông hiểu:Phân biệt các hình thức thu hoạch thủy sản.Vận dụng: Liên hệ ô nhiễm nước. | 1 | 1 | 1 |  |
| 4. Phòng, trị bệnh thủy sản | Nhận biết: nhận biết thủy sản bị bệnh.Thông hiểu: Biện pháp phòng, trị bệnhVận dụng: Màu sắc nước ao nuôi thủy sản. | 2 | 1 | 2 | 1 |
| Tổng | 7 | 5 | 4 | 1 |
| Tỷ lệ % | 40% | 30% | 20% | 10% |
| Tỷ lệ % chung | 70% | 30% |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

I. **Trắc nghiệm (7 đ ) Em hãy chọn đáp án đúng nhất**

**Câu 1:** Biểu hiện thường thấy khi vật nuôi bị bệnh?

A. Lớn nhanh, đẻ nhiều B. Ăn khỏe, ngủ khỏe

C. Mệt mỏi, ủ rũ D. Nhanh nhẹn, hoạt bát.

**Câu 2:** khi phát hiện vậy nuôi bị ốm người chăn nuôi cần?

A. Báo cho cán bộ thú y B. Giết mổ

C. Tự mua thuốc về chữa trị D. Bán ngay

**Câu 3:** Bệnh nào dưới đây có thể lây lan nhanh thành dịch?

A. lợn giun đũa B. Tả lợn Châu Phi

C. Chó bị ghẻ D. Lợn gãy chân

**Câu 4.**Khi xây dựng chuồng nuôi cần lưu ý về:

 A. Địa điểm B. Hướng chuồng C. Kiểu chuồng D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5.** Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

A. Cải tạo độ mặn cho nước ao.

B. Tạo độ trong cho nước ao.

C. Tiêu diệt các mầm bệnh có trong đáy ao.

D. Tăng lượng vi sinh vật trong đáy ao để làm thức ăn cho cá.

**Câu 6:** Thực phẩm từ nuôi trồng thủy sản có chứa:

A. Đạm B. Acid béo omega - 3

 C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

**Câu 7:** Sản phẩm nào sau đây không được chế biến từ thủy sản?

A. Ruốc cá hồi. B. Xúc xích.C. Cá thu đóng hộp. D. Tôm nõn.

**Câu 8:** Nguyên nhân làm suy giảm nguồn lượi thủy sản là:

A. Khai thá thủy sản quá mức B. Sử dụng ngư cụ cấm

C. Khai thác thủy sản mang tính hủy diệt D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9:** Hành động nào sau đây có thể làm giảm ô nhiễm nguồn nước?

A. Vứt bỏ vỏ chai, vỏ túi thuốc trừ sâu sau khi sử dụng ngay tại ruộng.

B. Bón phân quá mức

C. Phun thuốc trừ sâu quá mức

D. Sử dụng thuốc trừ sâu thảo mộc

**Câu 10:** Có hình thức thu hoạch cá nào sau đây?

A. Thu tỉa B. Thu toàn bộ C. Cả A và B đều đúngD. Cả A và B đều sai

**Câu 11:** Biểu hiện nào của động vật thủy sản không bị bệnh?

A. Cá bơi mất thăng bằng B. Cá lên ăn đều

C. Cá có vết lở loét trên cơ thể D. Tôm bị thay đổi màu sắc cơ thể

**Câu 12:** Người ta thường phòng trị bệnh cho cá bằng cách nào sau đây?

A. Trộn thuốc vào thức ăn của cá. B. Tiêm thuốc cho cá.

C. Bôi thuốc cho cá. D. Cho cá uống thuốc.

**Câu 13:** Tình trạng, chất lượng ao nuôi được thể hiện qua màu sắc của nước. Trong nuôi thủy sản, màu nước nào là tốt nhất?

 A. Màu nâu đen B. Màu cam vàng

 C. Màu xanh rêu D. Màu xanh lục hoặc vàng lục

**Câu 14:** Tại sao phải cải tạo ao nuôi?

A. Hạn chế mầm bệnh B. Hạn chế địch hạ

C. Tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho cá phát triển D. Cả 3 đáp án trên

**II. Tự luận ( 3 đ)**

**Câu 15**. (1 đ ). Em sẽ làm gì khi ao nuôi có hiện tượng thiếu Oxygen?

**Câu 16**. (1 đ). Em hãy nêu biện pháp phòng, trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản?
**Câu 17.**(1 đ) Nêu vai trò của nuôi trồng thủy sản?

**D. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

I. **Trắc nghiệm (7 đ ) Em hãy chọn đáp án đúng 0,5 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| C | A | B | D | C | C | B | D | D | C | B | A | D | D |

**II. Tự luận ( 3 đ)**

**Câu 15** (1,0 đ )

Sẽ tìm hiểu nguyên nhân từ đó đưa ra biện pháp khắc phục:

Thực hiện bằng cách bố trí máy sục khí, máy thổi khí, quạt nước,…để tạo oxy hòa tan cho cá. Ngoài ra còn cũng có thể bơm thêm nước vào ao, cũng có thể cho cá ngừng ăn tùy tình hình.

**Câu 16**. (1,0 đ). Biện pháp phòng, trị bệnh tổng hợp gồm:

+ Nâng cao sức đề kháng của động vật thủy sản

+ Ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh

+ Quản lí môi trường nuôi

+ Trị bệnh

Lưu ý: hạn chế dùng kháng sinh và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản.

**Câu 17.** (1 đ)

+ Cung cấp thực phẩm cho con nười;

   + Nguyên liệu cho ngành chế biến và xuất khẩu;

+ Tạo ra những sản phẩm có giá trị bổ sung cho thức ăn chăn nuôi;

 + Cung cấp nguyên liệu cho ngành dược mĩ phẩm;

   + Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nuôi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Xác nhận của BGHLê Văn Triển | Tổ chuyên mônNgô Thị Thu Thanh | Giáo viên ra đềPhạm Thị Quỳnh Nga |